

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 15-01- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Anh Tuấn;

Bà Vũ Thuý Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền Thương – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị Kim D, sinh năm 1962 tại phường L, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Số nhà X, phường L, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Nguyên là nhân viên Công ty bảo hiểm Manulife tại Nam Định; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị G (đều đã chết); có chồng Phạm Văn T và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Hiện đang chấp hành hình phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 58/2020/HSST ngày 21/8/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị hại: Bà Trần Thị T, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Kim D là đại lý bảo hiểm của Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (viết tắt Manulife) tại Nam Định từ ngày 21/11/2012 đến ngày 11/9/2018 (mã số đại lý bảo hiểm là M9260). Năm 2015, D tư vấn bán bảo hiểm cho bà Trần Thị T, sinh năm 1969; trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định và được bà T đồng ý

mua gói bảo hiểm cơ bản “Manulife – Gia đình tôi yêu” tại Hợp đồng bảo hiểm số 2812889143 ngày 29/9/2015 với số tiền bảo hiểm 150.000.000 đồng; phí bảo hiểm định kỳ hàng năm 10.812.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bà T đã đóng phí bảo hiểm năm 2015 cho D là 10.812.000 đồng, số tiền này đã được D nộp về Manulife. Theo quy định của Manulife, từ năm thứ 02 của hợp đồng bảo hiểm trở đi thì D không được thu phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm đã ký với Manulife mà phải có trách nhiệm hướng dẫn khách hàng trực tiếp đến Ngân hàng, Bưu điện hoặc Công ty để nộp tiền vào hợp đồng bảo hiểm, trong đó có hợp đồng bảo hiểm của bà T. Tuy nhiên, vì muốn chiếm đoạt tiền của bà T để chi tiêu nên các năm tiếp theo D đến nói dối bà T là thu tiền bảo hiểm trong hợp đồng của bà T để nộp về Công ty. Tin tưởng D, bà T đóng phí bảo hiểm hàng năm cho D và giữ lại giấy viết tay biên nhận thu tiền. Năm 2016, D thu của bà T 10.812.000 đồng, nộp vào hợp đồng bảo hiểm của bà T 900.000 đồng, chiếm đoạt 9.912.000 đồng. Cũng với phương thức trên, năm 2017 D thu và chiếm đoạt của bà T toàn bộ số tiền phí bảo hiểm định kỳ là 10.812.000 đồng. Năm 2018, D thu 10.812.000 đồng, nộp vào hợp đồng bảo hiểm của bà T 6.068.000 đồng, chiếm đoạt 4.744.000 đồng. Năm 2019, D không còn là đại lý bảo hiểm nữa nhưng vẫn đến nói dối mình là đại lý của Manulife và tiếp tục thu của bà T 10.812.000 đồng, nộp vào bảo hiểm của bà T 900.000 đồng, chiếm đoạt 9.912.000 đồng và sau đó xin lại các giấy viết biên nhận thu tiền của bà T rồi tự tiêu hủy. Ngày 27/4/2020, bà T đến Công ty Manulife chi nhánh tại phường V, thành phố Đ, tỉnh Nam Định thì được biết D không còn là đại lý bảo hiểm của Manulife, đồng thời được biết tổng số phí bảo hiểm đã đóng từ năm 2016 đến năm 2019 là 43.248.000 đồng nhưng D chỉ nộp vào hợp đồng bảo hiểm của mình được 7.868.000 đồng. Ngày 21/5/2020, bà T có đơn trình báo sự việc đến Công an huyện Mỹ Lộc. Sau khi tiếp nhận tố giác của bà T cùng các tài liệu, chứng cứ liên quan, ngày 16/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc ra Quyết định trưng cầu giám định số 59, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của đại lý bảo hiểm Trần Thị Kim D trong các tài liệu liên quan đến hợp đồng bảo hiểm giữa Manulife với bà Trần Thị T. Tại kết luận giám định số 821/KLGĐ-PC09 ngày 30/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận chữ viết tại mặt sau trên tài liệu cần giám định so với chữ viết đứng tên Trần Thị Kim D trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị Kim D khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị T từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng số tiền là 35.380.000 đồng như trên. Bà T đã được chồng, con của D đứng ra hoàn trả 23.000.000 đồng, còn lại 12.380.000 đồng bà T không yêu cầu D phải hoàn trả và có đơn xin giảm nhẹ cho D.

Bản cáo trạng số 40/CT- VKS-ML ngày 27/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Trần Thị Kim D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; xác định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” và “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Trần Thị Kim D thành khẩn khai nhận rõ các lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố; xác nhận kết luận giám định chữ viết của mình là đúng; bản thân bị truy tố là không oan và xin nhận trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội. Bị hại có quan điểm không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 21 đến 24 tháng tù, tổng hợp hình phạt với 08 năm tù tại bản án số 58/2020/HS-ST ngày 21/8/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Nam Định để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Bị cáo không bào chữa và có lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Lộc cũng như Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc cũng như Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo, bị hại cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy lời khai bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và lời khai của bị hại; kết luận giám định chữ viết của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định cũng như toàn bộ lời khai bị cáo tại Cơ quan điều tra. Từ các tình tiết chứng cứ này đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2019, Trần Thị Kim D bằng thủ đoạn gian dối của mình đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị T, sinh năm 1969; trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định với tổng số tiền là 35.380.000đ (ba lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; xác định bị cáo cùng một thủ đoạn, mỗi năm chiếm đoạt của bà Thom trên 2.000.000 đồng đều cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Kim D là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ. Mặt

khác, hành vi của bị cáo không những gây bất bình, phần nộ trong quần chúng nhân dân mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo là người trưởng thành, bình thường về thể chất và tâm thần, nhận thức rõ được những việc làm sai trái vi phạm pháp luật thì lẽ ra phải biết tu dưỡng, rèn luyện và lao động hữu ích để tạo ra của cải vật chất cho gia đình, xã hội. Nhưng trái lại, với ý thức lười lao động lại muốn có thu nhập để hưởng thụ nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2019, bị cáo đã nhiều lần bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi đó của bị cáo là vi phạm pháp luật Nhà nước, trái với đạo đức xã hội. Vì vậy, bị cáo sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình.

[4] Về trách nhiệm hình sự: Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, khách thể được pháp luật Nhà nước bảo hộ bị xâm phạm, động cơ mục đích phạm tội của bị cáo, hậu quả nguy hại cho xã hội thì việc cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục là thỏa đáng; đồng thời cũng mới đáp ứng được yêu cầu răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo ngoài tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự thì trong quá trình khai báo bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động nhờ chồng, con bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ. Đây là những tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước. Xét mức án Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này và sẽ cân nhắc để ấn định một mức án cụ thể, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người có ích. Tuy nhiên, hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 58/2020/HS-ST ngày 21/8/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Nam Định. Do đó, hình phạt áp dụng đối với bị cáo tại bản án này sẽ được Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để tổng hợp với hình phạt tại bản án nêu trên và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị T đã nhận lại số tiền 23.000.000 đồng trong tổng số tiền 35.380.000 đồng bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện đang phải chấp hành án phạt tù, sức khoẻ ốm yếu, hoàn cảnh kinh tế gia đình có khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo D 21 (hai một) tháng tù, tổng hợp hình phạt với 08 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 58/2020/HS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 4 năm 2020.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Công an huyện Mỹ Lộc;
- Trại giam CA tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang